

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 516/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa
chị Phạm Thị Quỳnh Trang và anh Phan
Mạnh Chiến

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lan

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7
- Ninh Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên
tòa:* Ông Mai Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 294/2026/TLST-HNGĐ ngày 09-
6-2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 120/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26-8-2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số
58/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10-8-2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Quỳnh T**, sinh ngày 05-8-1983; số căn cước
công dân: 036183008113; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Số nhà F P,
phường N, tỉnh Ninh Bình**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Phan Mạnh C**, sinh ngày 02-9-1987; số căn cước công dân:
036087006690; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: **Số nhà C P, phường N, tỉnh
Ninh Bình**. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 09-6-2026, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị **Phạm Thị Quỳnh T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** và anh **Phan Mạnh C** tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 02-3-2021. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách hai bên không hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm. Chị **T** nghi ngờ anh **C** có sử dụng trái phép chất ma túy. Hai bên không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2026 cho đến nay. Bản thân chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị **T** có nguyện vọng xin được ly hôn anh **Phan Mạnh C**.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là **Phan Thị Diệp T1**, sinh ngày 03-9-2023, giới tính: Nữ, số định danh cá nhân 036323009525. Nếu ly hôn, chị **T** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** tự nguyện không yêu cầu anh **Phan Mạnh C** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị **T** xác định vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **Phan Mạnh C** theo quy định của pháp luật nhưng anh **Phan Mạnh C** không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm trình bày về việc giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 29-6-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị **Phạm Thị Quỳnh T** và anh **Phan Mạnh C** có thời gian chung sống tại địa phương và đã xảy ra mâu thuẫn. Địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn, hiện nay anh **C** và chị **T** không còn sống chung. Vợ chồng có một con chung, hiện nay chị **T** đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị **T** có đơn xin ly hôn với anh **C**, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt không có lý do, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **C** là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn nhân giữa chị **Phạm Thị Quỳnh T** và anh **Phan Mạnh C**. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là **Phan Thị Diệp T1**, sinh ngày 03-9-2023, giới tính: Nữ, số định danh cá nhân 036323009525 hiện nay đang do chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị **Phạm Thị Quỳnh T** là người trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự tự nguyện của chị **T** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị **T** là nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị **T** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; chị **T** và anh **C** được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là chị **Phạm Thị Quỳnh T** làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Phan Mạnh C**. Bị đơn là anh **Phan Mạnh C** không có yêu cầu phản tố, hiện đang cư trú tại **số nhà C P, phường N, tỉnh Ninh Bình**. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về

việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

[1.2] Về sự vắng mặt của các những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn là chị **Phạm Thị Quỳnh T** có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn là anh **Phan Mạnh C** đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị Quỳnh T** và anh **Phan Mạnh C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 02-3-2021 nên hôn nhân giữa chị **Phạm Thị Quỳnh T** và anh **Phan Mạnh C** là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của chị **T** và tài liệu thu thập tại chính quyền địa phương xác định quá trình chung sống, chị **T** và anh **C** đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Nay chị **T** xác định không còn tình cảm với anh **C** và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh **C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng vắng mặt không có lý do. Điều đó, chứng tỏ anh **C** không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Phạm Thị Quỳnh T** và anh **Phan Mạnh C** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị **T**, xử ly hôn giữa chị **Phạm Thị Quỳnh T** và anh **Phan Mạnh C**.

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Căn cứ lời khai của chị **T** và bản sao Giấy khai sinh của con chung xác định vợ chồng có một con chung là **Phan Thị Diệp T1**, sinh ngày 03-9-2023, giới tính: Nữ, số định danh cá nhân 036323009525. Xét nguyện vọng của chị **T** mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh **Phan Mạnh C** không có quan điểm gì. Hiện nay, con chung đang do chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng và cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để ổn định tâm sinh lý của con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung khi bố mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử sẽ giao con chung

cho chị **Phạm Thị Quỳnh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Phạm Thị Quỳnh T** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị **T** xác định vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **C** không có quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị **Phạm Thị Quỳnh T** là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Phạm Thị Quỳnh T** và anh **Phan Mạnh C**.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là **Phan Thị Diệp T1**, sinh ngày 03-9-2023, giới tính: Nữ, số định danh cá nhân 036323009525 cho chị **Phạm Thị Quỳnh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Phạm Thị Quỳnh T** không yêu cầu anh **Phan Mạnh C** cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Phạm Thị Quỳnh T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị **Phạm Thị Quỳnh T** đã nộp tại biên lai số 0001782 ngày 09-6-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị **Phạm Thị Quỳnh T** đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị **Phạm Thị Quỳnh T** và anh **Phan Mạnh C** có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị **Phạm Thị Quỳnh T** và anh **Phan Mạnh C** có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND P. Nam Định, tỉnh Ninh Bình (ĐKKH số 05 ngày 02-3-2021 UBND phường Năng Tĩnh);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Thị Kim Phụng